TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN BÙ GIA MẬP	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH PHƯỚC	
Số: 23/2018/QĐST - HNGĐ	*Bù Gia Mập, ngày 26 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST - HNGĐ ngày 11/01/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Lê Việt T, sinh năm 1994
- Bị đơn: Anh Phạm Viết Đ, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Công Đ, sinh năm 1970
2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về việc thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Trịnh Lê Việt T, sinh năm 1994 và bị đơn anh Phạm Viết Đ, sinh năm 1992 cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Lê Việt T và anh Phạm Viết Đ thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Trịnh Lê Việt T và anh Phạm Viết Đ thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Lê Việt T và anh Phạm Viết Đ thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh Phạm Viết Đ đồng ý trả cho ông Trịnh Công Đ và bà Lê Thị D số tiền gốc vay 50.000.000 đồng. Bà D và ông Đ không yêu cầu anh Đ phải trả lãi suất của số tiền gốc vay này.

Bà D và ông Đ không yêu cầu chị Trịnh Lê Việt T phải trả số tiền gốc vay còn lại 50.000.000 đồng.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng chị Trịnh Lê Việt T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018142 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Số tiền còn lại 150.000 đồng được trả cho chị T.

- Án phí dân sự: Anh Phạm Viết Đ phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Trịnh Công Đ và bà Lê Thị D mỗi người 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Đ và bà D đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0018195, số 0018194 cùng ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

(Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục thi hành án DS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Đại